

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

MÔN KHTN – KHỐI 8

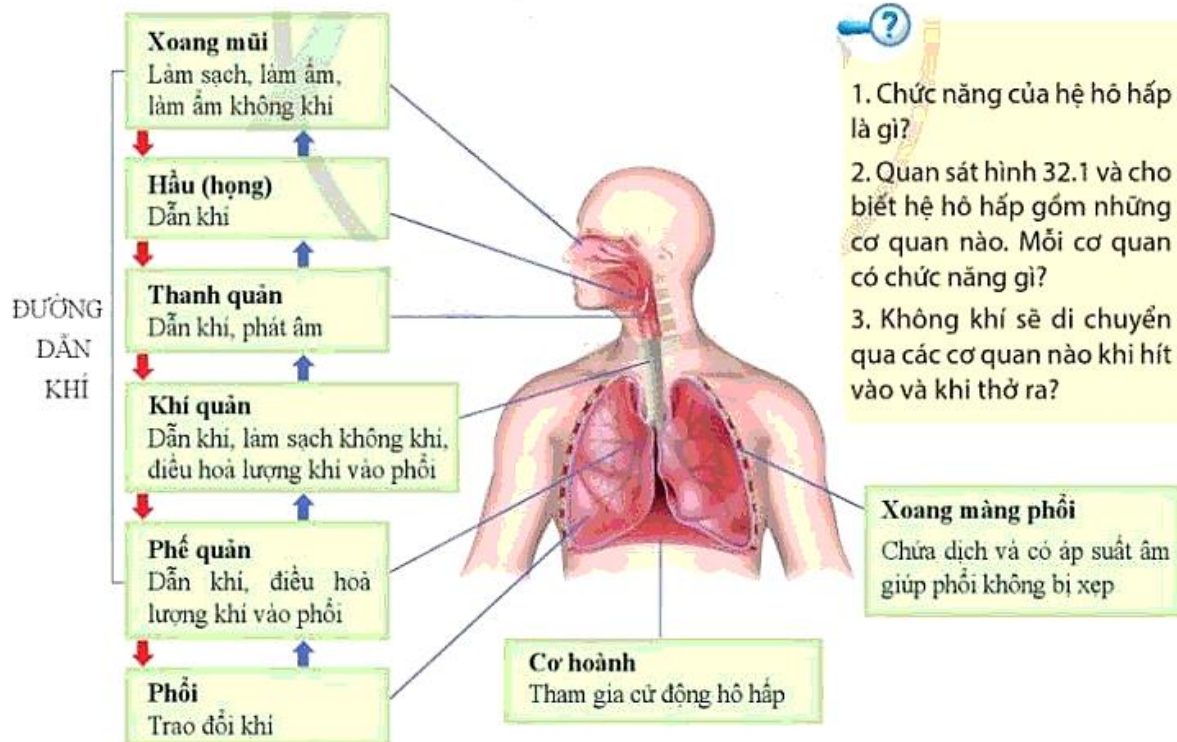
(Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 06/04/2024)

Chủ đề 7: CƠ THỂ NGƯỜI

TIẾT: HỆ HÔ HẤP Ở NGƯỜI

A. LÝ THUYẾT

I. CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA HỆ HÔ HẤP



- Hấp thụ oxy và thải đi CO_2 .

- Tham gia vào quá trình trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường.

- Hệ hô hấp gồm các cơ quan: mũi, họng, thanh quản, phế quản, phổi. Mỗi cơ quan có chức năng giúp cho quá trình hô hấp diễn ra hiệu quả.

- Khi hít vào, không khí sẽ di chuyển qua các cơ quan như mũi, họng, thanh quản, phế quản, phổi. Khi thở ra, khí sẽ di chuyển ngược lại. Chân không và áp suất âm cũng đóng vai trò giúp phổi không bị xẹp.

II. BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP

- Một số bệnh về hô hấp thường gặp: viêm đường hô hấp, viêm phổi, hen suyễn, cúm, hội

chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng.

- Các biện pháp phòng bệnh hô hấp cần được thực hiện.
- Ô nhiễm không khí gây tổn thương hệ hô hấp và suy giảm chức năng phổi.
- Cần vệ sinh nơi ở sạch sẽ và xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp để bảo vệ hệ hô hấp.
- Khói thuốc lá gây hại cho sức khỏe và cần có chính sách phù hợp để kiểm soát sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

B. BÀI TẬP MINH HỌA

Câu 1: Nêu cấu tạo và chức năng của hệ hô hấp?

Hướng dẫn:

- Hệ hô hấp ở người gồm
 - + Đường dẫn khí: mũi, họng, thanh quản, khí quản, phế quản
 - + Cơ quan trao đổi khí : hai lá phổi.

Chức năng của hệ hô hấp:

- Đường dẫn khí: dẫn khí ra và vào phổi, ngăn bụi bẩn, làm ẩm và làm ấm không khí vào phổi đồng thời bảo vệ phổi khỏi các tác nhân có hại từ môi trường.
- Phổi: thực hiện các chức năng trao đổi khí giữa môi trường ngoài và máu trong mao mạch phổi.

Câu 2: Hô hấp có vai trò quan trọng như thế nào với cơ thể sống?

Hướng dẫn

Hô hấp cung cấp O_2 cho tế bào để tham gia vào các phản ứng tạo ATP cung cấp cho mọi hoạt động sống của cơ thể.

PHIẾU HỌC TẬP

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đường dẫn khí có chức năng gì?

- A. Thực hiện trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường
- B. Trao đổi khí ở phổi và tế bào
- C. Dẫn khí, làm ẩm, làm ấm không khí và bảo vệ phổi
- D. Bảo vệ hệ hô hấp

Câu 2: Lớp màng ngoài của phổi còn có tên gọi khác là:

- A. lá thành.

- B. lá tạng.
- C. phế nang.
- D. phế quản.

Câu 3: Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

- A. họng và phế quản.
- B. phế quản và mũi.
- C. họng và thanh quản
- D. thanh quản và phế quản.**

Câu 4: Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng

- A. hai lần hít vào và một lần thở ra.
- B. một lần hít vào và một lần thở ra.
- C. một lần hít vào hoặc một lần thở ra.
- D. một lần hít vào và hai lần thở ra.

Câu 6: Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với:

- A. họng và phế quản.
- B. phế quản và mũi.
- C. họng và thanh quản.
- D. thanh quản và phế quản.

Câu 7: Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì?

- A. Sử dụng khí nitrogen và loại thải khí carbonic.
- B. Sử dụng khí carbonic và loại thải khí oxygen.
- C. Sử dụng khí oxygen và loại thải khí carbonic.
- D. Sử dụng khí oxygen và loại thải khí nitrogen

Câu 8: Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào?

- A. Cơ liên sườn ngoài dẫn còn cơ hoành co
- B. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dẫn
- C. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co
- D. Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dẫn.

Câu 9: Vai trò của sự thông khí ở phổi:

- A. Giúp cho không khí trong phổi thường xuyên được đổi mới.

- B. Tạo đường cho không khí đi vào.
- C. Tạo đường cho không khí đi ra
- D. Vận chuyển không khí trong cơ thể.

Câu 10: Những biện pháp phòng bệnh về hô hấp là:

- A. Giữ vệ sinh cá nhân
- B. Ăn uống đủ chất
- C. Tiêm vaccine
- D. Tất cả các đáp án trên.

BÀI TẬP TỰ LUẬN

Câu 1: Lấy ví dụ về sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của một cơ quan trong hệ hô hấp?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Hãy nêu nguyên nhân và triệu chứng một số bệnh về phổi, đường hô hấp như: viêm đường hô hấp, viêm phổi, lao phổi?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Dung tích phổi hít vào, thở ra bình thường và gawngs sức có thể phụ thuộc vào các yếu tố nào?

.....

.....

.....

.....

.....

TIẾT 111, 112, 113

BÀI 33: MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ VÀ HỆ BÀI TIẾT Ở NGƯỜI

A. LÝ THUYẾT

I. MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ

1. Khái niệm môi trường trong cơ thể

- Máu, dịch mô và dịch bạch huyết tạo thành môi trường trong cơ thể.

2. Vai trò của sự duy trì môi trường trong cơ thể

- Tính chất lí, hóa của môi trường trong cơ thể được duy trì ổn định, đảm bảo cho tế bào hoạt động bình thường -> hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể diễn ra bình thường.

II. HỆ BÀI TIẾT

1. Chức năng của hệ bài tiết

- Bài tiết là quá trình lọc và thải các chất dư thừa, chất độc hại sinh ra do quá trình trao đổi chất của cơ thể.

2. Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu

- Hệ bài tiết nước tiểu gồm: 2 quả thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái và ống đái. Trong đó thận là quan trọng nhất.

- Mỗi quả thận có khoảng 1 triệu đơn vị chức năng. Mỗi đơn vị chức năng được cấu tạo từ cầu thận và ống thận. Chức năng để lọc máu và hình thành nước tiểu.

+ Cầu thận: là một búi mao mạch dày đặc bám sát vào mao mạch là màng lọc có các lỗ nhỏ.

+ Nang cầu thận: túi bao ngoài cầu thận.

3. Một số bệnh liên quan đến hệ bài tiết nước tiểu

- Một số bệnh liên quan đến hệ bài tiết nước tiểu: Viêm thận, viêm đường tiết niệu, sỏi thận, sỏi đường tiết niệu, ...

- Các biện pháp chăm sóc sức khỏe hệ bài tiết nước tiểu: cần thực hiện chế độ dinh dưỡng, lối sống lành mạnh, tránh tiếp xúc với mầm bệnh.

4. Một số thành tựu trong chữa bệnh liên quan đến thận

- Khi cả hai thận không đáp ứng được chức năng lọc máu thì cần biện pháp điều trị thay thế thận như cấy ghép thận nhân tạo hay ghép thận.

B. BÀI TẬP MINH HỌA

Câu 1: Cân bằng môi trường trong cơ thể là gì và có vai trò như thế nào đối với cơ thể?

Hướng dẫn

- Cân bằng môi trường trong của cơ thể là sự duy trì ổn định của môi trường trong cơ thể, đảm bảo cho các hoạt động sống của cơ thể diễn ra bình thường.
- Vai trò của cân bằng môi trường trong của cơ thể: Môi trường trong của cơ thể được duy trì ổn định giúp cơ thể hoạt động bình thường, tránh được nguy cơ mắc một số bệnh nguy hiểm do mất cân bằng môi trường trong gây ra.

Câu 2: Sau khi ăn quá mặn, chúng ta thường có cảm giác khát. Việc uống nhiều nước sau khi ăn quá mặn có ý nghĩa gì đối với cơ thể?

Hướng dẫn

Ý nghĩa của việc uống nhiều nước sau khi ăn quá mặn đối với cơ thể: Khi ăn quá mặn, nồng độ sodium chloride trong máu tăng lên gây mất cân bằng môi trường trong cơ thể. Bởi vậy, việc uống nhiều nước lúc này sẽ giúp tăng lượng nước trong máu để hạ thấp nồng độ sodium chloride trong máu, đồng thời, uống nhiều nước sẽ kích thích việc bài tiết sodium chloride dư thừa thông qua nước tiểu và mồ hôi. Kết quả, nồng độ sodium chloride trong máu sẽ được đưa về mức bình thường.

Câu 3: Để kéo dài sự sống cho những người bệnh suy thận, người ta thường phải chạy thận nhân tạo hoặc ghép thận. Em hãy giải thích tại sao?

Hướng dẫn

Ở những người bị bệnh suy thận, thận của họ bị suy giảm chức năng hoặc không thể thực hiện được chức năng lọc máu, làm cho các chất độc hại, chất thải tích tụ trong cơ thể gây rối loạn các hoạt động sống, đe dọa trực tiếp đến tính mạng của bệnh nhân. Vì vậy, phải ghép thận (thay thế thận khỏe mạnh) hoặc chạy thận nhân tạo (sử dụng máy chạy thận để lọc máu thay cho thận) nhằm giúp đảm bảo việc đào thải các chất độc, chất thải trong máu ra khỏi cơ thể, kéo dài sự sống cho bệnh nhân.

PHIẾU HỌC TẬP

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Quá trình bài tiết không thải chất nào dưới đây?

A. Chất cặn bã.

B. Chất độc

C. Chất dinh dưỡng.

D. Nước tiểu

Câu 2: Vai trò chính của quá trình bài tiết?

A. Duy trì tính ổn định của môi trường trong cơ thể

B. Thanh lọc cơ thể, loại bỏ chất dinh dưỡng dư thừa

C. Đảm bảo các chất dinh dưỡng trong cơ thể luôn được đổi mới

D. Giúp giảm cân.

Câu 3: Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu bao gồm

A. Thận và ống đái

B. Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái

C. Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái.

D. Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái, phôi, da

Câu 4: Người nào thường có nguy cơ chạy thận nhân tạo cao nhất?

A. Những người hiến thận.

B. Những người bị tai nạn giao thông

C. Những người bị suy thận.

D. Những người hút nhiều thuốc lá

Câu 5: Nguyên nhân gây ra bệnh sỏi thận?

A. Ăn uống không lành mạnh.

B. Thường xuyên nhịn đi vệ sinh

C. Lười vận động.

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 6: Sự ứ đọng và tích lũy chất nào dưới đây có thể gây sỏi thận ?

A. Axit uric.

B. Ôxalat

C. Xistêin.

D. Tất cả các phương án

Câu 7: Thói quen nào có lợi cho sức khỏe của thận?

A. Ăn nhiều đồ mặn.

B. Uống thật nhiều nước.

C. Nhịn tiểu lâu.

D. Tập thể dục thường xuyên.

Câu 8: Tác nhân nào gián tiếp gây hại thận?

A. Thức ăn mặn

B. Ăn các thức ăn nhiều cholesterol (1 thành phần tạo sỏi)

C. Sự xâm nhập của các vi khuẩn gây viêm các cơ quan khác

D. Nhịn tiểu lâu

Câu 9: Nguyên nhân nào không dẫn tới hiện tượng tiểu đêm nhiều lần?

A. Vận động mạnh.

B. Viêm bàng quang

C. Sỏi thận.

D. Suy thận

Câu 10: Tác nhân nào không gây cản trở cho hoạt động bài tiết nước tiểu?

A. Sỏi thận.

B. Bia

C. Vi khuẩn gây viêm.

D. Huyết áp

BÀI TẬP TỰ LUẬN

Câu 1: Giải thích tại sao đối với người bình thường, khi ăn nhiều đường, lượng đường trong máu vẫn ổn định?

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Các sản phẩm thải chủ yếu của cơ thể là gì? Việc bài tiết các sản phẩm thải do các cơ quan nào đảm nhiệm?

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Bài tiết là gì ? Hoạt động bài tiết có vai trò quan trọng như thế nào với cơ thể người?

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Albumin là prôtêin có nhiều nhất trong huyết tương, chiếm tới 60% tổng prôtêin huyết tương. Một người có hàm lượng albumin huyết tương thấp, lượng albumin giảm do bị hỏng thận. Hãy cho biết ở bệnh nhân này bộ phận nào của thận đã bị hỏng. Vì sao?

.....

.....

.....

.....

*** DẶN DÒ**

- Chép nội dung lý thuyết vào tập.
- Hoàn thành phiếu học tập

Mọi thắc mắc Quý PH vui lòng liên lạc:

- Cô Xem – 0767108446
- Cô Thủy – 0796708939
- Cô Nga – 0327542177
- Thầy Hậu – 0933351932
- Thầy Hưng – 0937101969